

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát V.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1969; nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai ngày 06 tháng 3 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 02 tháng 02 năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 do bất đồng lối sống, quan điểm sống. Ông H nghiện ma túy, không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với bà nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà và ông H nhiều lần sống ly thân sau đó lại về với nhau. Cuối năm 2018, ông H đánh bà trước sự chứng kiến của hàng xóm. Vì vậy, năm 2019 bà đã nộp đơn xin ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân huyện K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H đã chủ động xin lỗi bà, hứa sẽ đối xử tốt và cai nghiện ma túy. Do đó bà đã rút đơn xin ly hôn, cho ông H cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ và động V ông cai nghiện ma túy. Nhưng chỉ được vài tháng ông H vẫn không sửa chữa, nghiện ma túy nặng hơn. Đến tháng 8 năm 2019, ông H bị bắt đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02; địa chỉ: xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Từ khi ông bị bắt đi cai nghiện ma túy, bà đã đến thăm ông H nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà xin ly hôn ông H.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 ở Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, ông H trình bày: Ông H thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống phù hợp với lời trình bày của bà V. Tuy nhiên, ông H cho rằng giữa ông và bà V chung sống với nhau rất hạnh phúc. Việc bà V trình bày với Tòa án vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2010 do bất đồng với nhau về lối sống, quan điểm sống, ông nghiện ma túy không chia sẻ những khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và việc cuối năm 2018, ông đánh bà V trước sự chứng kiến của hàng xóm là không đúng với thực tế. Theo ông, vợ chồng không bất đồng với nhau. Ông và bà V đều làm ra kinh tế nên của ai người đó chi tiêu, không chung đụng. Ông cũng không cầm cổ tài sản gì trong gia đình và chưa từng đánh bà V. Bản thân ông nghiện ma túy từ năm 1990, vì vậy mỗi lần lên cơn nghiện ông đều không thể quan tâm hay để ý gì đến bà V. Ông thừa nhận ông và bà V đã từng sống ly thân nhiều lần, nhưng không nhớ năm nào, thời gian bao nhiêu lâu. Năm 2019, bà V làm đơn xin ly hôn ông nhưng sau đó rút đơn về để ông có cơ hội tiếp tục cai nghiện nhưng ông vẫn không từ bỏ được ma túy. Tháng 8 năm 2019, ông H bị bắt đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02. Nay bà V xin ly hôn, ông không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Ông H trình bày nội dung nêu trên đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V nhưng chỉ xem các văn bản, không ký, không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án có sự chứng kiến, ký xác nhận của cán bộ, lãnh đạo Cơ sở cai nghiện ma túy số 2.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của bà V: Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại gia đình bà V, thôn K1 và Ủy ban nhân dân xã T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề khác giữa bà V và ông H; sau khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2.

Tại phiên tòa, bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Về con chung, tài sản chung và công nợ bà vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Bà V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu H, có nơi đăng ký HKTT: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Ông H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H lấy nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2008. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống không

còn phù hợp. Ông H nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bà V và ông H nhiều lần sống ly thân nhau sau đó lại đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng vào năm 2018, ông H đánh bà V. Năm 2019, bà V xin ly hôn ông H nhưng do ông H xin lỗi và hứa tự cai nghiện nên bà V rút đơn. Tuy nhiên, thời gian sau ông H càng nghiện nặng hơn và bị bắt đi cai nghiện ma túy bắt buộc vào tháng 8 năm 2019. Từ đó đến nay tình cảm giữa bà và ông H không thể hàn gắn, nay bà V xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Nguyễn Hữu H.

3. Về con chung: Ông bà không có con chung nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ: Không có, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Ông H đã trực tiếp đọc toàn bộ nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Ông H chỉ cung cấp lời khai về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và các vấn đề có liên quan khác giữa ông và bà V nhưng từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng, không ký vào các biên bản giao, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông H trước sự chứng kiến của ông Vũ Hữu Tuyên là cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy số 02. Ông H vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa do đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc. Ông H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K ngày 02 tháng 02 năm 2008.

Như vậy, hôn nhân giữa bà V và ông H là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Ông H nghiện ma túy và không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với bà V. Ngoài ra, ông H còn cầm cố tài sản, lấy tiền của bà V để chi tiêu cá nhân và sử dụng ma túy. Dẫn đến, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm nhau. Có lần ông H còn gây sự vô cớ, đánh bà V trước sự chứng kiến của hàng xóm. Năm 2019, bà V nộp đơn xin ly hôn ông H nhưng do ông H chủ động xin lỗi, hứa sẽ tự nguyện cai nghiện ma túy làm lại cuộc đời nên bà V rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng lại phát sinh mâu thuẫn. Ông H ngày càng nghiện nặng hơn và bị bắt đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02; địa chỉ: xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ông H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, ông luôn thương yêu bà V và đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, qua xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn K1, Ủy ban nhân dân xã T và gia đình bà V đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2010 đến nay, do ông H nghiện ma túy, sống không có trách nhiệm với bà V, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà nhiều lần sống ly thân nhau. Ông H từng đánh bà V vào năm 2018. Bà V mất niềm tin ở ông H, do ông H hứa nhiều lần nhưng không cai được ma túy. Vì vậy, từ khi ông H bị bắt đi cai nghiện, bà V có đến thăm nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Do đó, bà V xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho bà V được ly hôn ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông bà không có con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Ông bà đều không yêu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Nguyễn Hữu H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012483 ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K. Bà V đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền Trang

Bùi Đình Phùng

Nguyễn Đức Hoàng